TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỊNH QUÁN** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30-05-2018
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Tuấn**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà **Trần Thị Hoa**
2. Ông **Lê Minh Giang**

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Quách Kim Lân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa***: Ông **Vũ Văn Hội** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 05 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, xét xử công khai vụ án thụ lý số 502/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 04 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 05 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T** - sinh năm 1991.
Địa chỉ: Tổ T, ấp H, xã S, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.
2. Bị đơn: Anh **Đặng Đình H** - sinh năm 1986.
Địa chỉ: Tổ N, ấp M, xã S, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.
(Chị T có mặt; anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/10/2017; bản tự khai ngày 27/12/2017 và 17/01/2018; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và biên bản hòa giải ngày 17/01/2018, ngày 22/03/2018 và ngày 06/04/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 48 ngày 22/03/2013. Vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh H thường xuyên tụ tập ăn nhậu, không chăm lo phát triển kinh tế gia đình, mỗi lần anh H đi nhậu về là la lối, chửi bới, đòi đuổi chị ra khỏi nhà, còn đánh đập chị, tính tình vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vả. Do chị không chị không chịu đựng được nên chị đã về nhà mẹ của chị ở từ tháng 03/2017 nên chị và anh H đã sống ly thân từ tháng 03/2017 cho

đến nay. Nay chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng vẫn không hạnh phúc, tình cảm ngày càng lạnh nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung tên Đặng Thị Thu Th sinh ngày 22/06/2016. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 27/12/2017; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và biên bản hòa giải ngày 17/01/2018 bị đơn anh Đặng Đình H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 48 ngày 22/03/2013. Cuộc sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vả trong gia đình. Anh và chị T đã sống ly thân được 01 năm nay. Nay chị T có yêu cầu ly hôn với anh thì anh không đồng ý do con còn nhỏ.

- Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung tên Đặng Thị Thu Th sinh ngày 22/06/2016. Khi ly hôn, anh không có ý kiến về con chung, chị H nuôi không được thì để anh nuôi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tống đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật nên Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

1) Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Cho chị T được ly hôn với anh Đặng Đình H.

2) Về con chung: Giao con chung tên Đặng Thị Thu Th sinh ngày 22/06/2016 cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng khi ly hôn, tạm thời miễn cho anh H nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3) Về tài sản chung; nợ chung: Không xem xét, không giải quyết.

4) Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Đặng Đình H hiện cư trú tại ấp M, xã S, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị T yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh H nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách đương sự: Chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn; anh Đặng Đình H là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đặng Đình H nhưng anh H vắng mặt mà không có lý do chính đáng vì vậy Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về hôn nhân: Qua việc thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương các biên bản xác minh ngày 12/01/2018 cùng tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện chị T và anh H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/03/2016. Cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra xung đột trong cuộc sống; chị T và anh H hiện sống ly thân với nhau. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng quy định "*Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan T, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau*". Xét thấy cuộc sống hôn nhân của chị T, anh H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị T yêu cầu ly hôn nên chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh H. Theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung tên là Đặng Thị Thu Th sinh ngày 22/06/2016. Qua việc thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương các biên bản xác minh ngày 12/01/2018, trong thời gian vợ chồng sống ly thân cháu Th được chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị T hiện nay đang làm công nhân, có thu nhập ổn định; xét thấy việc giao cháu Th cho chị T nuôi dưỡng để đảm bảo sự ổn định về các T sinh lý cũng như sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con chung chưa thành niên, căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung Đặng Thị Thu Th cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng khi ly hôn. Tạm thời miễn cho anh H nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét.

[8] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đúng pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1) Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Đặng Đình H.

2) Về con chung: Giao con chung Đặng Thị Thu Th sinh ngày 22/06/2016 cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng khi ly hôn. Tạm thời miễn cho anh H nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3) Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

4) Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 004583 ngày 13/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán. Chị T đã nộp đủ án phí.

Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Đặng Đình H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục Thi hành án dân sự Định Quán;
- Các đương sự;
- UBND xã S.
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Văn Tuấn